TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 10 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hồng Biên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Lại

Bà Hoàng Thị Phương Thảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST - HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị N; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn B, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn K; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn B, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2000 mới tiến hành đăng ký kết hôn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian dài sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc

sống không có tiếng nói chung, thường xuyên va chạm, cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bên cạnh đó anh K thường xuyên ghen tuông, vô cớ nhiều lần xúc phạm đến chị và gia đình chị cho nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay hai bên đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn K

Về con chung: Chị và anh Trần Văn K có hai con chung là Trần Anh T, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1997 đã trưởng thành và Trần Khánh L, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2008 hiện đang ở với anh Trần Văn K. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị sẽ giao con chung Trần Khánh L cho anh Trần Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện nay cháu L có nguyện vọng được ở cùng với bố. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thỏa thuận với anh Trần Văn K.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn Trần Văn K trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải: Anh và chị Hà Thị N kết hôn với nhau năm 2000, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn từ ngày 12 tháng 4 năm 2018 nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N thường xuyên chát trên mạng xã hội và anh nghi ngờ chị N có quan hệ qua lại với một người ngoại quốc dẫn tới ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình. Anh và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành công. Hiện nay quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị N có 02 con chung là Trần Anh T sinh ngày 10 tháng 8 năm 1997 cháu đã trưởng thành và Trần Khánh L sinh ngày 18 tháng 6 năm 2008 hiện nay cháu L đang ở với anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương cũng như việc trình bày ý kiến của hai bên đương sự đều thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng. Do tính cách và cách sống khác biệt nhau và do nghi ngờ nhau có quan hệ với người khác nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng trầm trọng. Chính quyền địa phương và gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hai bên đương sự có 02 con chung là Trần Anh T sinh ngày 10 tháng 8 năm 1997 đã trưởng thành và Trần Khánh L sinh ngày 18 tháng 6 năm 2008 hiện nay đang ở với bố ở tổ dân phố 8, thị trấn B, huyện Cát Hải. Anh Trần Văn K cư trú tại nhà chung của hai vợ chồng, có công việc ổn định, có thu nhập đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử ngày 27 tháng 9 năm 2018 bị đơn vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Hà Thị N và anh Trần Văn K chung sống như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2000 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và cách sống của hai anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống giữa hai vợ chồng luôn căng thẳng. Anh K có nghi ngờ chị N có quan hệ bất chính với người khác nên mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng hơn. Chính quyền địa phương, gia đình và Tòa án đã nhiều lần hòa giải tuy nhiên không thành công.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải có quan điểm như sau:

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị N và anh Trần Văn K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hà Thị N được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn K; giao con chung là Trần Khánh L sinh ngày 18 tháng 6 năm 2008 cho anh Trần Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do bị đơn không có yêu cầu và nguyên đơn muốn tự thỏa thuận nên đề nghị cho nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận.

Về chia tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm

quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 8, thị trấn B, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Toà án đã tiến hành triệu tập các đương sự để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để hai bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định tại Điều 205, 208 và Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên hòa giải nguyên đơn và bị đơn không thống nhất quan điểm về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con, bị đơn không đồng ý ly hôn và không đưa ra quan điểm về việc nuôi con. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Hà Thị N và anh Trần Văn K có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mẫu thuẫn trong gia đình, bên cạnh đó do nghi ngờ vợ có quan hệ bất chính với người khác nên anh K đã xúc phạm đến chị N và gia đình chị dẫn tới mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tạo điều kiện cho hai bên đương sự về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên tại phiên hòa giải hai bên đã không thống nhất được về quan điểm giải quyết vụ án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ở nơi cư trú và lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều thể hiện hai bên đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Ngày 27 tháng 9 năm 2018, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng anh K không có mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh K vẫn vắng mặt điều đó thể hiện anh K không còn tha thiết bảo vệ hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Trần Văn K có 02 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1997 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét. Đối với cháu Trần Khánh L, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2008, Xét thấy chị N có yêu cầu giao con chung chưa thành niên cho anh K nuôi dưỡng, anh K không có ý kiến gì về việc này, bản thân cháu L cũng có đơn yêu cầu được ở với bố để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt, xét về mặt kinh tế hiện nay anh K có công việc, thu nhập và nơi cư trú ổn định, gần nơi cháu L học tập nên yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con là có căn cứ cần được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con,

nguyên đơn có yêu cầu tự thỏa thuận, bị đơn không trực tiếp đưa ra yêu cầu cụ thể về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con nên cần để cho các đương sự tự thỏa thuận.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**,** Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N được ly hôn với anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh L, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2008 cho anh Trần Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Các bên tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0010169, ngày 06 tháng 6 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã L, huyện H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Biên